

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày: 24/7/2020

“*V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Giang

2. Bà Nay H'Chim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên. Vắng mặt.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-DS ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Thế Th, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Làng Ó 2, xã Bar M, huyện Ch S, tỉnh G L. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị H.

Địa chỉ: Làng P, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đề ngày 18/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Thế Th trình bày:

Ông và bà Đinh Thị H là chỗ quen biết. Ông có cho bà Đinh Thị H vay tiền nhiều lần, cụ thể ngày 28/11/2018 (dương lịch), Ông cho bà H vay 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng), hạn đến tháng 7 năm 2019 (dương lịch) bà H có nghĩa vụ phải trả cho Ông số tiền này. Sau đó, vào ngày 11/5/2019 (dương lịch), Ông tiếp tục cho bà H vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), hạn đến tháng 12 năm 2019 (dương lịch) bà H có nghĩa vụ phải trả cho Ông số tiền này. Lãi suất cả hai khoản vay các bên thỏa thuận miệng 3%/tháng. Đến hạn Ông đã gặp bà H nhiều lần để đòi tiền, nhưng bà H không chịu trả tiền cho Ông. Vì vậy, Ông yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Đinh Thị H phải trả cho Ông tổng số tiền vay gốc là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi.

Khi vay tiền bà H có thể chấp cho ông 01 “Giấy chuyển nhượng đất” có ghi ngày 20/5/2012, nội dung ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị H nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh L và bà Đinh P và 01 “Giấy hợp đồng” có ghi ngày 20/5/2012, nội dung ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị H nhận khoán rẫy cà phê của Hội cựu chiến binh làng P, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L. Nay ông Th yêu cầu được giao trả lại cho bà H 02 giấy trên.

Đối với bị đơn là bà Đinh Thị H: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà H, nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Ngày 18/02/2020, nguyên đơn ông Bùi Thế Th nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn có nơi cư trú tại Làng P, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.

1.2. Về Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Tòa án đã gửi hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S. Viện trưởng Viện kiểm sát đã phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, nhưng Kiểm sát viên vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S có gửi bài phát biểu có nội dung như sau: Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đối với Nguyên đơn là ông Bùi Thế Th chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; Đối với bị đơn là bà Đinh Thị H không thực hiện đúng theo Giấy triệu tập của Tòa án là không tuân thủ quy định của pháp luật, gây khó khăn cho công tác giải quyết án của Tòa án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26; 35; 39; 144; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 280; 463; 466; 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn là bà Đinh Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là ông Bùi Thế Th số tiền vay gốc là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng). Khi vay tiền bà H có thể chấp cho ông 01 “Giấy chuyển nhượng đất” có ghi ngày 20/5/2012 và 01 “Giấy hợp đồng” có ghi ngày 20/5/2012. Nay ông Th yêu cầu được giao trả lại cho bà H 02 giấy trên là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Th.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Làng P, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L phù hợp với địa chỉ mà bà H ghi trong “Giấy mượn tiền” (Bút lục số 27-28). Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ cụ thể và đúng địa chỉ của người bị kiện theo đúng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, thỉnh thoảng có về, nhưng không xác định được thời

điểm trở về (Bút lục số 21); đồng thời không thông báo địa chỉ mới cho ông Th, cho Tòa án, nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với ông Th.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà H. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để bà H đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà H tiếp tục vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bà H không có yêu cầu phản tố. Xét thấy việc chấp hành pháp luật của bà H như vậy là không nghiêm túc thể hiện thái độ coi thường pháp luật, ý thức không tôn trọng pháp luật của một công dân trong xã hội. Như vậy, phía bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào chứng cứ thu thập được giải quyết theo luật định. Do bà H không đến Tòa án, nên không tiến hành hoà giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Vào ngày 28/11/2018 và ngày 11/5/2019, ông Bùi Thế Th và bà Đinh Thị H cùng ký kết hợp đồng vay tiền với hình thức “giấy mượn tiền” là có thật. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó hai giấy mượn tiền vào ngày 28/11/2018 và ngày 11/5/2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà H phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu bà H phải trả toàn bộ tiền lãi của khoản tiền vay.

Khi vay tiền bà H có thể chấp cho ông 01 “Giấy chuyển nhượng đất” có ghi ngày 20/5/2012 và 01 “Giấy hợp đồng” có ghi ngày 20/5/2012. Nay ông Th yêu cầu được giao trả lại cho bà H 02 giấy trên.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo thỏa thuận của các bên tại giấy mượn tiền thể hiện qua 02 lần vay, ông Th đã giao đủ 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) cho bà H; cụ thể từng lần như sau: Ngày 28/11/2018, bà H vay của ông Th số tiền 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn trả là tháng 7 năm 2019; ngày 11/5/2019, bà H vay thêm 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), thời hạn trả là tháng 12 năm 2019. Tất cả hợp đồng vay tiền giữa bà H và ông Th đều không thỏa thuận về việc bà H phải trả lãi. Sau khi nhận đủ tiền vay bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như các bên đã thỏa thuận. Do bà H đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ nên ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho Ông số tiền vay gốc là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nên cần được chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào các Điều 280; 463; 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đinh Thị H

có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông Bùi Thế Th số tiền vay gốc là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Về tiền lãi: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Khi vay tiền bà H có thể chấp cho ông Th 01 “Giấy chuyển nhượng đất” có ghi ngày 20/5/2012, nội dung ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị H nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh L và bà Đinh P và 01 “Giấy hợp đồng” có ghi ngày 20/5/2012, nội dung ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị H nhận khoán rẫy cà phê của Hội cựu chiến binh làng P, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L. Nay ông Th yêu cầu Tòa án giao trả lại cho bà H 02 giấy trên là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là bà Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bùi Thế Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 147; Điều 207; Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116; 117, 274, 275, 280, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Bùi Thế Th.

Buộc bà Đinh Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Thế Th số tiền nợ gốc là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Ông Bùi Thế Th phải trả lại cho bà Đinh Thị H 01 bản chính “Giấy chuyển nhượng đất” có ghi ngày 20/5/2012, nội dung ông Nguyễn Văn K, bà Đinh Thị H nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh L và bà Đinh P (gồm hai tờ, ba trang có chữ) và 01 bản chính “Giấy hợp đồng” có ghi ngày 20/5/2012, nội dung ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị H nhận khoán rẫy cà phê của Hội cựu chiến binh làng P, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L (gồm hai tờ, bốn trang có chữ, ép plastic). Hiện nay, hai giấy này ông Th đã nộp có tại hồ sơ vụ án.

4. Về án phí:

Buộc bà Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(255.000.000đ \times 5\%) = 12.750.000đ$ (mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Bùi Thế Th tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.375.000đ (sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002771 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2020), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ch S;
- Chi cục THADS huyện Ch S;
- Tòa án nhân dân tỉnh G L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT-LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Hiếu